

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HN-ST

Ngày: 08/7/2019

Về việc “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc

Ông Lê Minh Cheo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Ông Châu Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án R xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Neáng Chanh N, sinh năm 1994; cư trú: tổ 13, ấp N1, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Châu R, sinh năm 1991; cư trú: tổ 8, ấp P, xã O, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, chị Neáng Chanh N trình bày: vào năm 2013, chị và anh Châu R đăng ký kết hôn, chung sống với nhau có 01 con chung tên Neáng Chanh N2, sinh ngày 11/3/2014 nhưng anh chị không có tài sản chung và không có nợ.

Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Chanh R, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

* Bị đơn, anh Chanh R mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không liên hệ Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Chau R.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Neáng Chanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tR tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tRnh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Chau R là bị đơn có nơi cư trú tại xã O, huyện T, tỉnh An Giang và quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: anh Chanh R mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và chị Neáng Chanh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Chau R và chị Neáng Chanh N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp, nhận thấy: anh Chau R và chị Neáng Chanh N chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, tiến bộ nhưng cuộc sống vợ chồng của anh chị không hạnh phúc do anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau đến nỗi anh chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị đều không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng đã cho thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị Neáng Chanh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: anh chị có 01 con chung là Neáng Chanh N2, sinh ngày 11/3/2014 và trong thời gian ly thân, chị Neáng Chanh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, nhằm để ổn định sự phát triển bình thường của con chung anh chị, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị Neáng Chanh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Vì chị Neáng Chanh N không có yêu cầu anh Chau R cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị Neáng Chanh N xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Neáng Chanh N là nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn nên chị Neáng Chanh N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Neáng Chanh N về việc yêu cầu ly hôn với anh Chau R.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Neáng Chanh N được ly hôn với anh Chau R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 12/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: giao con chung của anh chị là Neáng Chanh N2, sinh ngày 11/3/2014 cho chị Neáng Chanh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Chau R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Chau R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng nếu anh Chau R lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Neáng Chanh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Chau R.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: chị Neáng Chanh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012344 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện Tri Tôn,
tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng